

SO SÁNH PHƯƠNG PHÁP LUẬN TRONG NGHIÊN CỨU KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN VÀ KINH TẾ HỌC HIỆN ĐẠI

A METHODOLOGICAL COMPARISON BETWEEN
MARXIST - LENINIST POLITICAL ECONOMY AND MODERN ECONOMICS

TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG, thuongtth@hcmue.edu.vn
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 31/12/2025 Ngày nhận lại: 21/01/2026 Duyệt đăng: 12/02/2026 Mã số: TCKH-S01T02-2026-B07 ISSN: 2354 - 0788 Từ khóa: Kinh tế chính trị Mác - Lênin, kinh tế học hiện đại, phương pháp luận khoa học, biện chứng duy vật, thực chứng luận, mô hình hóa kinh tế. Keywords: Marxist-Leninist political economy, modern economics, scientific methodology, dialectical materialism, positivism, economic modeling.	Bài viết phân tích sự khác biệt về nền tảng triết học và phương pháp luận giữa Kinh tế chính trị Mác - Lênin với kinh tế học hiện đại, nhằm làm rõ nền tảng triết học và phương pháp của mỗi trường phái. Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận so sánh để đối chiếu nguyên tắc của phép biện chứng duy vật - chủ nghĩa duy vật lịch sử với các phương pháp chủ đạo của kinh tế học hiện đại (thực chứng luận, mô hình hóa toán học, kinh tế lượng, phân tích cận biên). Kết quả cho thấy hai trường phái khác nhau về thế giới quan và mục tiêu nghiên cứu: Mác - Lênin nhấn mạnh tính toàn diện, lịch sử và mục tiêu cải tạo xã hội; trong khi kinh tế học hiện đại chú trọng phân tích vi mô, mô hình hóa và kiểm chứng thực nghiệm. Mỗi bên có ưu điểm và hạn chế riêng. Việc kết hợp linh hoạt hai cách tiếp cận để có cái nhìn toàn diện hơn về các vấn đề kinh tế. Bài viết đề xuất hướng phát triển một nền kinh tế học tích hợp, vừa có chiều sâu triết học - lịch sử, vừa chặt chẽ và thực nghiệm, nhằm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững và công bằng. ABSTRACT This article explores the philosophical and methodological foundations of Marxist - Leninist political economy in comparison with dominant approaches in contemporary mainstream economics. Using a comparative analytical framework, the study contrasts the principles of dialectical and historical materialism with methodological orientations commonly associated with mainstream economics, such as positivism, marginal analysis, mathematical modeling and econometric techniques. The analysis identifies key differences in underlying worldviews and research orientations: Marxist - Leninist political economy emphasizes historical context, structural relationships and socio-economic transformation, whereas mainstream economics tends to prioritize formal modeling, micro-level analysis and empirical validation. At the same time, the study highlights areas of methodological complementarity between the two

traditions. It argues that a pluralistic and integrative approach - combining philosophical reflection on historical and social structures with rigorous analytical and empirical tools - can enhance the explanatory capacity of economic research and contribute to a more comprehensive understanding of contemporary economic challenges related to sustainable and inclusive development.

1. Mở đầu

Trong nghiên cứu kinh tế, phương pháp luận khoa học đóng vai trò định hướng nền tảng, quyết định cách tiếp cận và mục tiêu của quá trình nghiên cứu. Việc so sánh phương pháp luận của triết học Mác - Lênin trong nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin với phương pháp nghiên cứu của kinh tế học hiện đại không chỉ giúp làm rõ những khác biệt về tư tưởng và cách thức nghiên cứu, mà còn gợi mở khả năng bổ sung cho nhau nhằm hiểu biết sâu sắc hơn về các vấn đề kinh tế đương đại. Tác giả chọn đề tài này vì tầm quan trọng của việc hiểu rõ nền tảng triết học và phương pháp nghiên cứu của hai trường phái trên, đặc biệt trong bối cảnh các nền kinh tế đang đối mặt với những thách thức phức tạp như bất bình đẳng, khủng hoảng tài chính và biến đổi xã hội.

Mục tiêu nghiên cứu của bài viết là phân tích một cách có hệ thống sự khác biệt trong cơ sở phương pháp luận giữa hai cách tiếp cận nói trên, bao gồm: (1) nền tảng triết học và nhận thức luận của mỗi bên; (2) các phương pháp cụ thể được sử dụng trong nghiên cứu kinh tế (như phép trừ tượng hóa và phép biện chứng trong kinh tế chính trị Marxist, so với mô hình hóa, kinh tế lượng và phân tích cận biên trong kinh tế học hiện đại); (3) sự khác nhau về mục tiêu cuối cùng của nghiên cứu (phê phán và cải biến xã hội so với giải thích và dự báo trung lập) và (4) những giới hạn của mỗi phương pháp luận.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp so sánh làm cách tiếp cận chủ đạo nhằm làm rõ sự khác biệt về nền tảng triết học và phương pháp nghiên cứu giữa Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Kinh tế học hiện đại. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đặt hai

hệ phương pháp luận này trong mối quan hệ đối chiếu để nhận diện những điểm khác nhau về cách nhìn nhận đối tượng kinh tế, mục tiêu nghiên cứu và công cụ phân tích.

Bài viết dựa trên hai nhóm phương pháp chính. Thứ nhất là phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử, được sử dụng để phân tích các quan hệ kinh tế trong tính toàn diện, lịch sử và gắn với sự vận động của các cấu trúc xã hội. Thứ hai là các phương pháp chủ đạo của kinh tế học hiện đại, như chủ nghĩa thực chứng, mô hình hóa toán học, phân tích cận biên và kinh tế lượng, được phân tích ở góc độ phương pháp luận và so sánh, chứ không được sử dụng như công cụ nghiên cứu trực tiếp trong bài viết. Về cách triển khai, bài viết tiến hành phân tích và tổng hợp các tài liệu kinh điển và tiêu biểu của hai trường phái, từ đó so sánh các giả định triết học, phương pháp nhận thức và định hướng nghiên cứu của mỗi bên. Thông qua cách tiếp cận này, nghiên cứu làm rõ ưu điểm, hạn chế và khả năng bổ sung lẫn nhau giữa hai phương pháp, nhằm gợi mở hướng tiếp cận đa dạng hơn trong nghiên cứu kinh tế hiện nay.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Cơ sở lý luận về phương pháp luận khoa học

Phương pháp luận khoa học là hệ thống các nguyên tắc chỉ đạo cách thức thu thập tri thức và xây dựng lý thuyết khoa học. Phương pháp luận gắn liền với triết học khoa học, bao gồm các phương diện: bản thể luận (bản chất của thực tại nghiên cứu), nhận thức luận (cách thức con người nhận thức thực tại đó) và phương pháp luận (cách tổ chức tri thức và tiến hành nghiên cứu) (Filipenko, *Methodology in economics: An overview*, 2017). Nói cách khác, mọi nghiên cứu

khoa học đều dựa trên một số giả định triết học nền tảng về thế giới khách quan, về khả năng hiểu biết thế giới và về cách tiếp cận để đạt được hiểu biết đó. Việc hiểu rõ những giả định này là chìa khóa để so sánh các trường phái nghiên cứu kinh tế.

Lịch sử khoa học cho thấy nhiều trường phái phương pháp luận khác nhau. Chủ nghĩa thực chứng xuất hiện từ thế kỷ XIX với Auguste Comte và John S. Mill, nhấn mạnh việc nghiên cứu khoa học phải xuất phát từ quan sát thực nghiệm các “sự kiện” khách quan và tránh xa siêu hình học. Theo quan điểm thực chứng, nhà khoa học thu thập dữ liệu và rút ra quy luật từ quan sát, coi trọng các sự kiện bề mặt và tính trung lập giá trị trong phân tích (Novack, 2008). Về sau, chủ nghĩa kinh nghiệm logic và tư tưởng của Karl Popper bổ sung nguyên tắc falsification (bác bỏ giả thuyết bằng thực nghiệm), hình thành nên khung phương pháp luận cho nhiều bộ môn khoa học xã hội, trong đó có kinh tế học hiện đại (Novack, 2008). Ở chiều ngược lại, truyền thống phép biện chứng duy vật, nền tảng triết học của chủ nghĩa Mác - Lênin lại cho rằng hiện thực luôn vận động thông qua mâu thuẫn nội tại và nhiệm vụ của khoa học là vạch ra các quan hệ bản chất ẩn sau hiện tượng, từ đó hiểu được quy luật vận động lịch sử của đối tượng. Phương pháp luận biện chứng duy vật nhấn mạnh tính toàn diện và lịch sử: xem xét đối tượng trong tính chỉnh thể, trong mối liên hệ qua lại với các yếu tố khác và trong quá trình phát sinh, phát triển qua các giai đoạn.

Như vậy, ngay ở tầm khái quát, có thể thấy kinh tế học hiện đại chủ yếu chịu ảnh hưởng của phương pháp luận thực chứng và hậu thực chứng, trong khi Kinh tế chính trị Mác - Lênin dựa trên phương pháp luận biện chứng duy vật và lịch sử. Hai cách tiếp cận này khác biệt ở quan điểm về đối tượng kinh tế (tĩnh tại hay luôn biến động lịch sử), về cách thức xây dựng lý thuyết (trừu tượng hóa từ hiện thực phức tạp hay mô hình hóa), cũng như về vai trò của khoa học (mô tả - dự báo trung tính hay phê phán - cải tạo xã hội).

3.2. Phương pháp luận trong nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Nền tảng phương pháp luận cho kinh tế chính trị Mác - Lênin, dựa trên hai trụ cột chính: chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Những trụ cột này định hướng cách Karl Marx, Friedrich Engels và sau này Vladimir I. Lenin nghiên cứu các hiện tượng kinh tế với một tầm nhìn tổng thể, lịch sử và phê phán.

Thứ nhất, phép biện chứng duy vật xác định rằng mọi hiện tượng kinh tế đều chứa đựng mâu thuẫn bên trong và vận động không ngừng, dẫn tới cách tiếp cận kinh tế chính trị coi các điều kiện vật chất và quan hệ kinh tế hiện thực (như phương thức sản xuất, quan hệ sở hữu...) là nền tảng quyết định các hiện tượng xã hội khác. Do đó, nghiên cứu kinh tế phải đi từ cái hiện thực khách quan, không phải xuất phát từ các ý niệm hay giả định phi lịch sử. Phép biện chứng của Marx đòi hỏi phân tích sự vật trong mối liên hệ và mâu thuẫn. Mỗi hình thái kinh tế chứa những mặt đối lập (Ví dụ: tư bản và lao động, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong chủ nghĩa tư bản) và chính sự đấu tranh giữa các mặt đối lập này thúc đẩy quá trình biến đổi. Điều đặc biệt là biện chứng Mácxít mang tính phê phán và cách mạng như lời khẳng định “vì phép biện chứng không khuất phục trước một cái gì cả và về thực chất thì nó có tính chất phê phán và cách mạng” (Ph.Ăngghen, 2002).

Thứ hai, phương pháp luận lịch sử - logic là một đóng góp lớn của Marx vào khoa học kinh tế. Ông kết hợp chủ nghĩa duy vật lịch sử - xem xét sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội như một quá trình lịch sử có quy luật - với một cách triển khai logic độc đáo trong nghiên cứu kinh tế chính trị. Cụ thể, Marx sử dụng phương pháp trừu tượng hóa để tách ra những khái niệm kinh tế đơn giản nhất, trừu tượng nhất (như hàng hóa, giá trị, lao động trừu tượng), rồi từ đó phát triển logic các phạm trù phức tạp hơn, tái hiện bức tranh toàn thể của nền kinh tế tư bản.

Ông gọi quá trình đi từ trừu tượng (đơn giản) đến cụ thể (phức tạp) trong tư duy là “phương pháp khoa học chính xác”. Theo Marx, cái cụ thể không phải điểm khởi đầu của tư duy khoa học mà là kết quả của quá trình tổng hợp nhiều quy định, nhiều mối liên hệ. Nhờ phương pháp này, tư bản luận của Marx bắt đầu từ phân tích một hàng hóa đơn lẻ, rồi phát triển dần qua các khái niệm giá trị, tiền tệ, tư bản, tích lũy, cạnh tranh, khủng hoảng... cuối cùng dựng nên bức tranh toàn diện về hệ thống tư bản chủ nghĩa. Sự vận động của các khái niệm trong lý luận phản ánh logic nội tại của quá trình lịch sử phát sinh và phát triển của chủ nghĩa tư bản. Đây chính là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa phương pháp logic và phương pháp lịch sử trong nghiên cứu kinh tế chính trị Mác-xít.

Một đặc điểm nữa của phương pháp luận Mác - Lênin là nhấn mạnh tính cụ thể của phân tích. Điều này có nghĩa là lý thuyết chung phải được vận dụng linh hoạt tùy điều kiện lịch sử - cụ thể; người nghiên cứu cần điều tra chi tiết hoàn cảnh thực tiễn trước khi kết luận. Trong tác phẩm “Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga”, Lênin đã thu thập và phân tích khối lượng lớn số liệu kinh tế - xã hội để chỉ ra quá trình hình thành quan hệ tư bản chủ nghĩa tại nông thôn Nga. Phương pháp của ông vừa mang tính kinh nghiệm (sử dụng dữ liệu) vừa mang tính lý luận Mác-xít (khung phân tích là mâu thuẫn giai cấp, sự chuyển biến của quan hệ sản xuất).

Trong Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán (1909), Lênin phê phán những quan điểm bất khả tri và duy tâm trong khoa học, khẳng định rằng nhận thức khoa học phản ánh hiện thực khách quan và các khái niệm khoa học có thể phản ánh đúng quy luật của thế giới vật chất. Niềm tin vào tính khách quan của quy luật kinh tế - xã hội này trái ngược với chủ nghĩa thực chứng (phủ nhận quy luật lịch sử) và tạo cơ sở cho việc nghiên cứu kinh tế chính trị theo hướng tìm ra quy luật vận động tất yếu (ví dụ quy luật giá trị thặng dư, quy luật khuynh hướng tỷ suất lợi nhuận giảm dần trong tư bản luận).

Tóm lại, phương pháp luận của triết học Mác - Lênin trong nghiên cứu kinh tế chính trị có những đặc trưng nổi bật sau:

- Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Xem xét hiện tượng kinh tế trong bối cảnh lịch sử cụ thể, coi sự phát triển kinh tế - xã hội là một quá trình có tính quy luật, chuyển biến qua các giai đoạn (cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa). Người nghiên cứu tìm kiếm những quy luật chi phối sự vận động này, như quy luật mâu thuẫn giai cấp dẫn tới cách mạng xã hội.

- Phép biện chứng: Phân tích kinh tế dựa trên các mối quan hệ qua lại và mâu thuẫn nội tại. Thay vì tách rời các biến số, kinh tế chính trị Mác-xít nhấn mạnh sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các mặt của hệ thống (sản xuất - phân phối - trao đổi - tiêu dùng) và đặc biệt chú trọng mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa giai cấp bóc lột và bị bóc lột, xem đó là động lực của biến động kinh tế - xã hội.

- Phương pháp trừu tượng hóa khoa học: là cách thức thực hiện nghiên cứu bằng cách gạt bỏ những yếu tố ngẫu nhiên, những hiện tượng tạm thời xảy ra trong các hiện tượng quá trình nghiên cứu để tách ra được những hiện tượng bền vững, mang tính điển hình, ổn định của đối tượng nghiên cứu. Từ đó mà nắm được bản chất, xây dựng được các phạm trù và phát hiện được tính quy luật và quy luật chi phối sự vận động của đối tượng nghiên cứu (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021). Cách “đi từ trừu tượng đến cụ thể” này cho phép phát hiện bản chất ẩn sau hiện tượng. Marx coi đây là con đường duy nhất để biến kinh tế chính trị từ một mớ hỗn độn sự kiện thành một khoa học có hệ thống.

- Tính phê phán - cách mạng: Kinh tế chính trị Mác - Lênin không dừng ở việc mô tả “cái đang là” mà hướng tới phê phán trật tự hiện tại và chỉ ra khả năng lịch sử để thay thế nó bằng một hình thái cao hơn. Chính vì vậy, các kết luận khoa học thường gắn liền với lập trường giai cấp công nhân, phục vụ mục tiêu cải tạo xã hội (ví

dự: luận điểm về tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội).

Phân tích cụ thể, kết hợp định tính và định lượng: Dù nhấn mạnh lý luận, các nhà kinh tế Mácxit cũng rất coi trọng dữ liệu thực tế và phân tích định lượng khi cần. Marx trong tư bản đã sử dụng nhiều số liệu về tiền lương, lao động; Lênin khảo sát thống kê nông thôn Nga hay hai nhà kinh tế học Mácxit khác là Paul A. Baran và Paul Sweezy sau này phân tích số liệu kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, dữ liệu trong tác phẩm của các nhà kinh tế Mácxit được đặt trong bối cảnh lịch sử và được diễn giải bằng khung lý thuyết biện chứng, thay vì chỉ dùng các kỹ thuật thống kê thuần túy.

3.3. Phương pháp luận nghiên cứu trong kinh tế học hiện đại

Có thể tóm lược phương pháp nghiên cứu của kinh tế học hiện đại qua một số điểm chính: chủ nghĩa thực chứng và tính khoa học thực nghiệm, phương pháp mô hình hóa toán học và phân tích biên, phương pháp cá nhân luận (methodological individualism) và sử dụng rộng rãi dữ liệu thống kê, kinh tế lượng để kiểm chứng giả thuyết.

Trước hết, kinh tế học hiện đại tự xác định mình như một khoa học “thực chứng”, tách biệt với kinh tế học “chuẩn tắc”. Như Keynes, “kinh tế học thực chứng” nghiên cứu cái đang là, còn kinh tế học chuẩn tắc bàn về cái nên là (Friedman, 2019). Điều này phản ánh tham vọng của các nhà kinh tế dòng chính muốn phát triển kinh tế học theo mô hình khoa học tự nhiên, trong đó nhà nghiên cứu đóng vai trò quan sát viên trung lập, xây dựng lý thuyết khách quan để giải thích và dự báo hiện tượng kinh tế, chứ không trực tiếp lồng giá trị đạo đức hay lập trường chính trị vào phân tích.

Đi đôi với quan điểm thực chứng là cách tiếp cận giả thuyết - diễn dịch. Quy trình chuẩn của nghiên cứu kinh tế hiện đại thường bao gồm: (1) đề xuất một giả thuyết hay mô hình lý thuyết dựa trên một số giả định; (2) suy diễn ra các hệ quả có thể kiểm chứng từ mô hình; (3) thu thập dữ liệu để

kiểm định các dự đoán đó; (4) nếu dữ liệu phù hợp, mô hình được chấp nhận (tạm thời), nếu không, mô hình bị bác bỏ hoặc điều chỉnh. Triết gia Karl Popper gọi đây là nguyên tắc falsification - giả thuyết khoa học phải có khả năng bị bác bỏ bởi thực nghiệm. Mặc dù trong thực tế kinh tế học việc bác bỏ một lý thuyết có thể phức tạp (do hiện tượng kinh tế chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố), tiêu chí này vẫn là kim chỉ nam.

Một trụ cột khác của phương pháp kinh tế học hiện đại là phép mô hình hóa toán học và phân tích cận biên. Cuộc “cách mạng cận biên” cuối thế kỷ XIX (do W.S. Jevons, C. Menger, L. Walras khởi xướng) được xem là ranh giới phân chia kinh tế học cổ điển và kinh tế học hiện đại (Ross, 2023). Nội dung của nó là thay đổi cách lý giải các giá trị kinh tế: giá trị không phải do lao động kết tinh như trường phái cổ điển quan niệm, mà do độ thỏa dụng biên - mức thỏa mãn tăng thêm khi tiêu thụ thêm một đơn vị hàng hóa (Ross, 2023). Từ đó hình thành nên phương pháp phân tích mọi quyết định kinh tế ở “biên”: một cá nhân tối ưu hóa lợi ích bằng cách so sánh lợi ích cận biên và chi phí cận biên của hành động (nguyên lý này áp dụng cho tiêu dùng, sản xuất, phân bổ nguồn lực...). Phương pháp cận biên cho phép xây dựng các mô hình toán học trơn tru (hàm số lợi ích, hàm sản xuất liên tục có đạo hàm). Kết quả là kinh tế học ngày càng được toán học hóa mạnh mẽ: các lý thuyết chính (cân bằng tổng quát, kinh tế học phúc lợi, mô hình IS - LM, mô hình tăng trưởng Solow...) đều trình bày dưới dạng phương trình và đồ thị chặt chẽ. Mô hình toán học trở thành ngôn ngữ chung của giới kinh tế học. Như Friedman mô tả, lý thuyết kinh tế gồm hai phần: một là “ngôn ngữ” - tức hệ thống logic và toán học để biểu diễn lý lẽ; hai là nội dung thực nghiệm - tức các giả thuyết nội dung về nền kinh tế (Friedman, 2019).

Một khía cạnh quan trọng của phương pháp luận kinh tế học hiện đại là chủ nghĩa cá nhân phương pháp luận. Theo đó, mọi hiện tượng kinh tế - xã hội nên được giải thích dựa trên hành vi

và quyết định của các cá nhân (Colin Allen, Hannah Kim, Paul Oppenheimer, 2024). Trường phái tân cổ điển giả định mỗi cá nhân (hộ gia đình, người tiêu dùng, doanh nghiệp) tối ưu hóa lợi ích hoặc lợi nhuận của mình và kết quả tương tác của vô số cá nhân trên thị trường sẽ tạo nên kết cục chung cho nền kinh tế. Cách tiếp cận này khác biệt căn bản với phương pháp phân tích giai cấp và toàn hệ thống của Marx. Thay vì nói về mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và vô sản, kinh tế học hiện đại nói về quan hệ cung - cầu giữa người mua và người bán; thay vì phân tích lợi nhuận bình quân hình thành qua cạnh tranh giữa các khối tư bản, họ xây dựng mô hình doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận; thay vì nhìn nền kinh tế như một tổng thể hữu cơ với cơ cấu sản xuất xã hội, họ tập trung vào cân bằng tổng quát như là tổng hòa của vô số quyết định riêng rẽ. Phương pháp cá nhân luận có ưu điểm đơn giản hóa được phân tích (vì cá nhân là đơn vị ra quyết định cơ bản, có hàm mục tiêu rõ ràng), nhưng cũng chịu nhiều chỉ trích là thiếu thực tế xã hội, bởi lẽ con người hành xử không tách rời bối cảnh xã hội và nhiều hiện tượng (như sức mạnh độc quyền của doanh nghiệp lớn, chênh lệch giai cấp, ảnh hưởng của thể chế) không thể giải thích nếu chỉ quy về quyết định cá nhân. Tuy vậy, trong suốt thế kỷ 20, chủ nghĩa cá nhân phương pháp luận vẫn thống trị kinh tế học chính thống, hòa hợp với ý thức hệ tự do cá nhân của xã hội tư bản phương Tây.

Cuối cùng, không thể thiếu trong phương pháp nghiên cứu hiện đại là việc sử dụng phương pháp thống kê và kinh tế lượng. Từ những năm 1940, kinh tế học chứng kiến sự phát triển mạnh của kinh tế lượng học với các công trình tiên phong của Trygve Haavelmo, Jan Tinbergen và sự ra đời của Ủy ban Cowles. Kinh tế lượng kết hợp mô hình kinh tế lý thuyết với số liệu thống kê thực tế, sử dụng phương pháp suy luận xác suất để ước lượng và kiểm định mô hình (Hoover, 2005). Chẳng hạn, từ mô hình cung - cầu, nhà nghiên cứu có thể suy ra dạng hàm

cung, hàm cầu, sau đó dùng dữ liệu giá và lượng để ước lượng các tham số (độ co giãn...) và kiểm tra giả thuyết về hành vi thị trường. Kinh tế lượng được coi là công cụ nhằm biến kinh tế học thành khoa học thực nghiệm đúng nghĩa, tương tự như vật lý hay sinh học có thí nghiệm để kiểm chứng lý thuyết. Đến cuối thế kỷ 20, hầu như mọi nghiên cứu kinh tế học hàn lâm đều phải có phần phân tích dữ liệu định lượng để được xem là có độ tin cậy. Việc áp dụng kinh tế lượng nâng cao tính định lượng và khách quan cho kinh tế học hiện đại, nhưng cũng đem lại những tranh luận về phương pháp. Một mặt, nó phản ánh tinh thần thực chứng: “nói có sách, mách có chứng”, lý thuyết tốt phải qua được thử nghiệm bằng dữ liệu (Filipenko, 2017). Mặt khác, việc quá coi trọng các kỹ thuật kinh tế lượng cũng bị phê phán là dẫn tới “chủ nghĩa hình thức” (Chick, 1998), chạy theo mô hình và con số mà lơ là ý nghĩa kinh tế thực tế. Dù sao, không phủ nhận rằng nhờ kinh tế lượng, kinh tế học hiện đại đã đạt được nhiều tiến bộ trong dự báo kinh tế vĩ mô, phân tích chính sách và đo lường quan hệ kinh tế (ví dụ: tác động của lãi suất tới đầu tư, độ co giãn của cầu theo giá...). Điều này hoàn toàn tương phản với kinh tế chính trị Mác-xít vốn nhấn mạnh phân tích định tính và tổng thể. Trong khi đó, kinh tế học hiện đại có xu hướng chuyên môn hóa và lượng hóa: mỗi chuyên gia đi sâu một lĩnh vực hẹp (tài chính, lao động, môi trường...) và sử dụng các mô hình định lượng chuyên biệt.

Tóm lại, phương pháp nghiên cứu của kinh tế học hiện đại có những đặc trưng chính sau:

- Thực chứng và trung lập: Tập trung mô tả, giải thích hiện tượng như chúng đang tồn tại, phân tách khỏi các giá trị đạo đức hay mục tiêu chính trị. Nhà kinh tế hiện đại tự giới hạn vai trò ở việc tìm sự thật khoa học (what is), còn việc nên làm gì (what ought to be) được tách thành lĩnh vực khác.

- Giả thuyết - diễn dịch - kiểm định: Xây dựng lý thuyết dựa trên các giả định, diễn dịch thành luận điểm có thể kiểm tra, sau đó dùng dữ liệu để kiểm định. Tính khoa học nằm ở khả năng

kiểm chứng/phản chứng bằng thực nghiệm. Một giả thuyết tốt là giả thuyết có thể sai lầm trước dữ liệu và nếu liên tục đứng vững trước nhiều thử thách thì được chấp nhận tạm thời.

- Mô hình toán học và phân tích biên: Sử dụng mạnh mẽ ngôn ngữ toán, lý thuyết hóa dưới dạng mô hình trừu tượng, tận dụng các khái niệm cận biên (đạo hàm) để tìm điều kiện tối ưu và cân bằng. Các đại lượng kinh tế (giá, lượng, thu nhập...) được coi là các biến số trong mô hình có quan hệ hàm số với nhau. Kết quả thường là tìm ra trạng thái cân bằng của hệ thống kinh tế khi các tác nhân tối ưu hóa hành vi của mình.

- Phương pháp cá nhân luận: Xem quyết định của cá nhân (hộ gia đình tối đa hóa thỏa dụng, doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận) là đơn vị cơ bản, từ đó giải thích hiện tượng tập thể. Ít chú trọng phân tích những thực thể tập thể như giai cấp, nhà nước (trừ phi mô hình hóa như một tác nhân tối đa hóa hữu dụng kiểu riêng). Điều này phản ánh tư tưởng triết học tự do: xã hội được hiểu như tập hợp các cá nhân theo đuổi lợi ích riêng trong khuôn khổ luật lệ nhất định.

- Thống kê và kinh tế lượng: Thu thập dữ liệu (qua điều tra, số liệu quốc gia, thí nghiệm kinh tế học hành vi...) và áp dụng các phương pháp định lượng (hồi quy, phân tích phương sai, mô phỏng, phân tích chuỗi thời gian) để kiểm định giả thuyết hoặc ước lượng tham số mô hình. Việc này nhằm đảm bảo kết luận có độ tin cậy thống kê, giảm tính võ đoán. Chẳng hạn, thay vì nói “giảm thuế có thể kích thích tiêu dùng”, nhà kinh tế hiện đại sẽ cố gắng định lượng “giảm thuế 1% GDP làm tổng chi tiêu tăng bao nhiêu phần trăm, với độ sai số thống kê ra sao?”.

Phương pháp luận hiện đại đã giúp kinh tế học khẳng định vị thế hàng đầu trong các ngành khoa học xã hội, được tôn trọng và sử dụng trong hoạch định chính sách của các chính phủ. Tuy nhiên, nó cũng bị phê phán, đặc biệt từ góc nhìn của kinh tế chính trị học, rằng do quá nhấn mạnh mô hình hóa và giả định giản lược, kinh tế học

chính thống đôi khi bỏ qua những khía cạnh cơ bản của thực tế kinh tế, như bất công xã hội, quyền lực kinh tế, hay các quá trình lịch sử dài hạn.

3.4. Sự khác biệt giữa Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Kinh tế học hiện đại

Từ phần trình bày trên, có thể đối chiếu phương pháp luận Mác - Lênin trong Kinh tế chính trị và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế học hiện đại trên một số phương diện cốt lõi như sau:

- Nền tảng triết học: Triết học Mác - Lênin dựa trên duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, khẳng định tính khách quan của các quy luật xã hội và tính tất yếu của sự biến đổi lịch sử. Cách nhìn này coi xã hội như một tổng thể có cấu trúc, phát triển qua các giai đoạn lịch sử kế tiếp theo các mâu thuẫn nội tại. Ngược lại, kinh tế học hiện đại chịu ảnh hưởng mạnh từ chủ nghĩa kinh nghiệm và thực chứng phương Tây, vốn hoài nghi về các quy luật lịch sử phổ quát. Những nhà phương pháp luận như Popper thậm chí phủ nhận có bất kỳ “định luật tiến hóa lịch sử” nào, cho rằng lịch sử chỉ là tập hợp các sự kiện đơn lẻ khó dự đoán (Novack, 2008). Do đó, kinh tế học chính thống thường tránh những tuyên bố lớn về quy luật vận động của cả hệ thống xã hội, thay vào đó tập trung vào các quan hệ nhân quả cục bộ, ngắn hạn có thể kiểm tra được (ví dụ: cung - cầu của một thị trường, tác động của lãi suất lên lạm phát). Về nhận thức luận, chủ nghĩa duy vật Mácxít tin vào khả năng phản ánh đúng hiện thực khách quan của khoa học (dù hiện thực rất phức tạp), trong khi chủ nghĩa thực chứng ban đầu có xu hướng hạn chế phạm vi nhận thức vào những gì quan sát trực tiếp được. Chẳng hạn, nhiều nhà kinh tế hiện đại thường ngại bàn đến khái niệm triết học như bản chất bóc lột hay bản chất giai cấp của quan hệ kinh tế vì cho rằng đó là những ý niệm khó đo lường, họ thích làm việc với những đại lượng hiện tượng đo lường rõ (giá cả, thu nhập, lượng hàng hóa).

- Phương pháp nghiên cứu: Sự khác biệt rất rõ: phương pháp biện chứng tổng thể và phương

pháp phân tích mô hình hóa. Kinh tế chính trị Mác - Lênin sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp: khởi đầu từ bức tranh tổng quát (phương thức sản xuất, quan hệ giai cấp) rồi phân tích các mối quan hệ bản chất bên trong (lao động - tư bản, sản xuất - tiêu dùng, giá trị - giá cả). Phương pháp này coi trọng tính thống nhất hữu cơ của các mặt kinh tế - xã hội; ví dụ, khi nghiên cứu tư bản chủ nghĩa, Marx phải đề cập cả vấn đề đấu tranh giai cấp, nhà nước, ý thức hệ như một phần của hệ thống kinh tế. Trái lại, kinh tế học hiện đại theo đuổi phương pháp “phân tích - diễn giải”, tách riêng các vấn đề hẹp và mô hình hóa chúng dưới dạng một hệ biến số cô lập. Cách này thuận tiện cho việc áp dụng toán học nhưng đánh đổi bằng việc đơn giản hóa hiện thực, giả định các yếu tố khác không đổi để tập trung vào mối quan hệ chính. Ví dụ, mô hình cung - cầu cơ bản phân tích giá cân bằng trong một thị trường, giả định bên ngoài thị trường đó không có gì thay đổi, trong khi một nhà kinh tế chính trị Mácxít khi phân tích giá cả có thể đồng thời xét đến quyền lực độc quyền, thu nhập giai cấp hay chính sách của chính phủ. Hơn nữa, phương pháp biện chứng tìm kiếm những mâu thuẫn và động lực biến đổi, còn phương pháp cân bằng của kinh tế học chính thống có xu hướng tìm trạng thái ổn định và thảo luận sự lệch khỏi cân bằng chỉ như ngoại lệ hoặc kết quả của cú sốc bên ngoài. Chính vì vậy, nhiều nhà kinh tế chính thống bị chỉ trích là bảo thủ, không nhận ra những bất ổn tích tụ trong lòng hệ thống (ví dụ: trước khủng hoảng 2008, mô hình kinh tế vĩ mô tiêu chuẩn không tính đến khả năng sụp đổ của hệ thống tài chính do giả định thị trường luôn tự điều chỉnh hiệu quả). Trong khi đó, cách tiếp cận Mácxít đã dự báo từ trước về khả năng khủng hoảng tất yếu xuất phát từ mâu thuẫn nội sinh của tư bản (như xu hướng tỷ suất lợi nhuận giảm, khuynh hướng đầu cơ) (Moran, 2018).

- Mục tiêu và vai trò của nhà nghiên cứu: Kinh tế chính trị Mác - Lênin mang tính phê phán và định hướng thay đổi rõ rệt, còn kinh tế

học hiện đại tự giới hạn trong vai trò miêu tả và đề xuất giải pháp cải thiện cục bộ. Đối với Marx, nghiên cứu kinh tế là để vạch trần bản chất của chủ nghĩa tư bản - tức bóc lột lao động làm thuê - từ đó phục vụ cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nhằm vượt qua hệ thống đó. Engels từng nói kinh tế chính trị Mácxít là “khoa học về sự giải phóng giai cấp vô sản”. Lênin và các nhà kinh tế Mácxít sau này cũng nghiên cứu với tinh thần tương tự: tập trung vào các vấn đề như bất bình đẳng, quan hệ đế quốc, sự tha hóa lao động, với mục tiêu cuối cùng là góp phần xây dựng một xã hội công bằng không có bóc lột. Ngược lại, kinh tế học hiện đại - xem sự khách quan và trung lập chính trị như một chuẩn mực chuyên nghiệp. Nhà kinh tế dòng chính thường tránh thể hiện thiên kiến ý thức hệ trong công trình của mình, họ đề xuất chính sách dựa trên phân tích hiệu quả - chi phí chứ không dựa trên lập trường giai cấp. Mục tiêu thường là cải thiện hiệu quả phân bổ (ví dụ: khắc phục sự thất bại của thị trường, giảm lạm phát, tăng trưởng GDP) hơn là thay đổi trật tự sở hữu hay quan hệ quyền lực. Dĩ nhiên, kinh tế học cũng có phân nhánh chuẩn tắc (như kinh tế học phúc lợi, lý thuyết lựa chọn xã hội) nhưng ngay cả những lĩnh vực này cũng vận dụng khung phân tích trung lập (ví dụ: tối đa hóa phúc lợi xã hội tổng hợp từ phúc lợi cá nhân).

- Giới hạn và phê phán lẫn nhau: Mỗi phương pháp luận đều có giới hạn của nó và chính những điểm mạnh của bên này thường là điểm yếu dưới con mắt của bên kia. Từ quan điểm Mácxít, hạn chế của kinh tế học hiện đại là ở tầm nhìn thiên cận và phi lịch sử. Bằng việc cắt vụn nền kinh tế thành các mô hình hẹp và giả định trạng thái cân bằng tự điều chỉnh, kinh tế học chính thống có thể bỏ qua những xu hướng dài hạn và mâu thuẫn cơ bản. Ví dụ, Marxists chỉ ra kinh tế học tân cổ điển không lý giải được tại sao lại có các chu kỳ khủng hoảng lặp đi lặp lại, hoặc tại sao bất bình đẳng ngày càng tăng trong lòng xã hội tư bản - vì các mô hình của họ thường giả định cạnh tranh hoàn hảo dẫn tới trạng thái cân

bằng hài hòa (tối ưu Pareto). Ngay cả khi thực tế cho thấy bất bình đẳng gia tăng mạnh như dữ liệu của Thomas Piketty (Piketty, 2021), một số nhà kinh tế chính thống vẫn lúng túng vì mô hình tiêu chuẩn không dự báo điều đó. Tương tự, trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, mô hình vĩ mô chủ lưu (DSGE) không có vai trò cho khu vực tài chính và nợ xấu, nên hầu như không ai dự báo được sự sụp đổ, trong khi đó, một số nhà kinh tế theo truyền thống Mác-xít hay hậu Keynes (Minsky) đã cảnh báo về sự tích tụ bong bóng do lợi nhuận giảm thúc đẩy đầu cơ (Moran, 2018). Một hạn chế khác theo các nhà phê phán là kinh tế học chính thống coi các quan hệ xã hội có tính chất áp bức như những trườ tượng trung tính - thí dụ, coi tiền lương đơn thuần là giá của lao động, mà không thấy đó là biểu hiện của quan hệ quyền lực bất bình đẳng giữa chủ và thợ. Do đó, kinh tế học hiện đại có xu hướng “biến minh” cho hiện trạng (vì cân bằng đạt được khi mỗi cá nhân tối ưu, nên kết quả được ngầm hiểu là hợp lý), thay vì chất vấn tính chính đáng của nó. Ngược lại, từ phía các nhà kinh tế học hiện đại, phê phán đối với kinh tế chính trị Mác-xít thường tập trung vào tính phi khoa học hoặc ý thức hệ. Họ cho rằng phương pháp luận Mác-xít quá nhấn mạnh yếu tố ý thức hệ, thiếu sự kiểm chứng thực nghiệm chặt chẽ. Nhiều lý thuyết Mác-xít (như học thuyết giá trị lao động, lý luận về tỷ suất lợi nhuận giảm dần) bị công kích là khó kiểm chứng khi các nền kinh tế tư bản vẫn tăng trưởng dài hạn thay vì sụp đổ. Các nhà thực chứng cũng cho rằng kinh tế chính trị Mác-xít có xu hướng chọn lọc dữ liệu lịch sử, thay vì mô hình hóa rõ ràng để người khác có thể lặp lại kiểm định. Hơn nữa, do gắn với mục tiêu chính trị, những người không cùng lập trường dễ nghi ngờ kết luận của nó.

Những khác biệt nói trên cho thấy hai truyền thống hầu như đối lập về nhiều mặt. Tuy vậy, trong thực tiễn nghiên cứu kinh tế, không phải lúc nào cũng có ranh giới tuyệt đối. Vẫn có

sự giao thoa nhất định: ví dụ, một số nhà kinh tế hậu Keynes và thể chế chấp nhận nhiều phương pháp của kinh tế học hiện đại nhưng cũng chịu ảnh hưởng của Marx về tầm nhìn lịch sử hoặc một số nhà Mác-xít đương đại sử dụng kỹ thuật kinh tế lượng để phân tích dữ liệu bất bình đẳng, thay vì chỉ biện luận định tính. Điều này dẫn chúng ta đến phần tiếp theo: khả năng tích hợp phương pháp luận.

3.5. Khả năng tích hợp phương pháp luận để giải quyết các vấn đề kinh tế đương đại

Mặc dù xuất phát từ tiền đề triết học rất khác nhau, phương pháp luận của kinh tế chính trị Mác - Lênin và kinh tế học hiện đại không nhất thiết hoàn toàn loại trừ nhau. Trên thực tế, nhiều vấn đề kinh tế - xã hội đương đại phức tạp đòi hỏi một cách tiếp cận đa chiều, đa dạng phương pháp. Xu hướng này kêu gọi kết hợp các góc nhìn khác nhau nhằm bổ khuyết những thiếu sót của từng cách tiếp cận đơn lẻ (Moran, 2018). Dưới đây là một số gợi mở về khả năng tích hợp:

Kết hợp tầm nhìn lịch sử - tổng thể của Marx với công cụ định lượng hiện đại: Những vấn đề như bất bình đẳng thu nhập, phân hóa giàu nghèo hay khủng hoảng môi trường đều có khía cạnh lịch sử - cấu trúc mà kinh tế học chính thống thường khó giải thích đầy đủ. Trường phái Mác-xít cung cấp khuôn khổ phân tích về cơ cấu giai cấp, tích lũy tư bản và quyền lực kinh tế, giúp lý giải tại sao bất bình đẳng gia tăng dai dẳng dù kinh tế tăng trưởng (Sanmugam Annamalah 1, Amir Foroughi 2, 2025). Tuy nhiên, để đo lường cụ thể mức độ và xu hướng của những hiện tượng này, các phương pháp thống kê, dữ liệu lớn hiện đại rất hữu ích. Thực tế, công trình của Thomas Piketty về bất bình đẳng (dù không theo trường phái Mác nhưng chịu ảnh hưởng tư tưởng) đã sử dụng dữ liệu thuế thu nhập hơn một thế kỷ để chứng minh vốn có xu hướng tập trung, lợi nhuận tư bản cao hơn tăng trưởng kinh tế dẫn tới chênh lệch giàu nghèo lớn dần - những kết luận rất gần với dự báo của Mác.

Điều đó cho thấy không có rào cản nội tại nào ngăn việc dùng dữ liệu theo tinh thần thực chứng để kiểm nghiệm các luận đề Mác-xít. Ngược lại, chính dữ liệu đã làm sống lại nhiều ý tưởng của Marx trong thập niên 2010.

Tích hợp phân tích vi mô với phân tích vĩ mô - cơ cấu: Kinh tế học hiện đại giải trong các phân tích vi mô - hành vi cá nhân, doanh nghiệp, thiết kế cơ chế... Trong khi đó, kinh tế chính trị lại mạnh về cái vĩ mô - cơ cấu: xu hướng toàn xã hội, quan hệ giữa các nhóm lớn. Hai cấp độ này có thể bổ sung cho nhau. Chẳng hạn, nghiên cứu về thị trường lao động có thể kết hợp mô hình cung - cầu lao động (để hiểu quyết định thuê mướn, tiền lương cân bằng) với phân tích Mác-xít về đội quân công nghiệp dự bị (để hiểu tại sao luôn có thất nghiệp và sức ép giảm lương). Một ví dụ như khi phân tích chu kỳ khủng hoảng, có thể dùng mô hình tài chính hành vi để hiểu quyết định rủi ro của từng ngân hàng, nhưng đồng thời dùng khung biện chứng để thấy sự lan truyền rủi ro và mâu thuẫn giữa tăng trưởng tín dụng và hạn chế của thị trường. Phương pháp hệ thống của Marx giúp cảnh báo những điểm mù mà phân tích cục bộ bỏ sót, trong khi các mô hình cụ thể của kinh tế học hiện đại giúp hiện thực hóa các ý tưởng đó thành chính sách.

Học hỏi lẫn nhau về kỹ thuật và khía cạnh con người: Phương pháp luận Mác - Lênin có ưu điểm ở chiều sâu triết học và đạo đức (quan tâm đến công bằng, quyền lực, sự phát triển toàn diện con người), còn phương pháp hiện đại có ưu điểm ở tính chặt chẽ và minh bạch (ai cũng có thể kiểm tra các bước của mô hình, tái hiện kết quả). Việc tích hợp có thể là đưa các chủ đề về công bằng, quyền lực vào mô hình kinh tế học, đồng thời khuyến khích các nhà Mác-xít trình bày lý luận của mình dưới dạng có thể kiểm chứng hoặc mô phỏng. Thực ra, đã có những cố gắng như vậy: lĩnh vực kinh tế học thể chế mới nghiên cứu vai trò của thể chế và quyền lực trong phát triển (dù xuất phát từ góc nhìn khác, nhưng gặp Marx ở chỗ thừa nhận kinh tế không vận hành trong chân

không thị trường thuần túy). Hoặc kinh tế học hành vi đã phá vỡ một số giả định “con người kinh tế” lý tưởng và thừa nhận con người chịu ảnh hưởng của tâm lý xã hội - điều này gần với cách nhìn tổng thể về con người xã hội của Marx. Về phía các nhà Mác-xít, một số người áp dụng mô hình tái sản xuất mở rộng (như mô hình Quỹ đầu tư) để mô phỏng tích lũy tư bản theo cách định lượng. Cũng có hướng kết hợp lý thuyết chọn lựa duy lý với chủ đề Mác-xít (như công trình của J. Roemer, Pranab Bardhan (Perspective, 1992)), để giải thích bóc lột và phân tầng bằng mô hình trò chơi. Những nỗ lực này tạo ra tiếng nói chung phần nào giữa hai truyền thống.

Giải quyết các vấn đề đương đại đòi hỏi đa phương pháp: Các thách thức như biến đổi khí hậu, đại dịch, công nghệ AI thay thế lao động... đều có khía cạnh kinh tế, xã hội đan xen. Biến đổi khí hậu chẳng hạn, không chỉ là thất bại thị trường (ngoại tác môi trường) mà còn liên quan đến mô hình sản xuất công nghiệp chạy theo lợi nhuận - điểm mà Marxist gọi là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Để giải quyết, cần cả phân tích kinh tế về thuế carbon, lẫn cái nhìn phê phán về chủ nghĩa tiêu dùng và cấu trúc quyền lực của các tập đoàn năng lượng. Đại dịch COVID-19 cho thấy vai trò của nhà nước, tính giai cấp trong rủi ro sức khỏe (lao động nghèo dễ bị tổn thương hơn), đòi hỏi kinh tế học không chỉ tính toán gói cứu trợ bao nhiêu mà còn hiểu được quan hệ giai cấp và đoàn kết xã hội quan trọng thế nào. Cách mạng công nghệ và AI đặt câu hỏi về tương lai của lao động - một lĩnh vực mà sự kết hợp giữa mô hình dự báo thị trường lao động (của kinh tế học hiện đại) với lý luận về lao động thặng dư, giá trị thặng dư (của Marx) có thể đem lại nhận thức toàn diện: AI có thể làm tăng năng suất nhưng ai hưởng lợi? Có dẫn đến thất nghiệp hàng loạt và mâu thuẫn xã hội không?

Nhìn chung, tích hợp phương pháp luận không có nghĩa là hòa trộn hai hệ tư tưởng, mà là sử dụng linh hoạt các công cụ và góc nhìn sao cho phù hợp với vấn đề nghiên cứu. Thực tế, các

nhà kinh tế trẻ hiện nay ngày càng cởi mở với cách tiếp cận đa dạng. Phong trào “rethink economics” trên thế giới kêu gọi giảng dạy kinh tế học có cả Marxist, Keynesian, Feminist, Ecological... bên cạnh Neoclassical để sinh viên có tư duy phong phú (Moran, 2018). Ở góc độ nghiên cứu, tích hợp có thể đơn giản như việc trích dẫn chéo: một nhà kinh tế chính thống nghiên cứu bất bình đẳng có thể tham khảo lý thuyết tích lũy tư bản của Marx, trong khi một nhà Marxist khi phân tích tỷ suất lợi nhuận có thể dùng dữ liệu và phương pháp hồi quy để kiểm tra luận điểm của mình trong bối cảnh hiện tại.

Tại Việt Nam, việc hiểu rõ cả hai phương pháp luận lại càng quan trọng, bởi nền tảng tư tưởng chính thống là chủ nghĩa Mác - Lênin, nhưng chúng ta cũng cần tiếp thu nhiều thành tựu của kinh tế học hiện đại phục vụ công cuộc phát triển và hội nhập. Một cách tiếp cận tích hợp sẽ giúp các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách vừa giữ được cái nhìn bao quát, biện chứng về định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa vận dụng được công cụ phân tích cụ thể của kinh tế thị trường hiện đại để giải quyết các vấn đề trước mắt. Chẳng hạn, chính sách giảm nghèo có thể dựa trên mô hình kinh tế lượng để xác định đối tượng và cách thức, nhưng đồng thời phải đặt trong chiến lược xóa bỏ bất công giai cấp về lâu dài.

Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận rằng tích hợp không dễ dàng, vì những mâu thuẫn triết học sâu sắc. Điều quan trọng là giữ thái độ tôn trọng sự khác biệt và đối thoại khoa học. Sự phong phú trong cách tiếp cận sẽ là tài sản quý cho khoa học kinh tế, đúng như lời kêu gọi đa dạng hóa các quan điểm kinh tế trong giáo dục và nghiên cứu ngày nay (Sanmugam Annamalah 1, Amir Foroughi 2, 2025).

4. Kết luận

Bài viết tìm hiểu sự khác biệt trong cơ sở phương pháp luận giữa Kinh tế chính trị Mác - Lênin và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế học hiện đại. Những khác biệt này bắt nguồn từ

nền tảng triết học đối lập duy vật biện chứng với thực chứng, dẫn đến cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau. Một bên nhấn mạnh tính toàn thể, lịch sử, mâu thuẫn; bên kia đề cao phân tích vi mô, mô hình hóa toán học và kiểm chứng thực nghiệm. Mục tiêu nghiên cứu cũng phân tách: kinh tế chính trị Mácxít hướng tới phê phán và cải tạo xã hội, còn kinh tế học hiện đại chủ yếu nhằm hiểu biết và cải tiến trong khuôn khổ hiện tại. Mỗi phương pháp luận có ưu điểm riêng, đồng thời bộc lộ những giới hạn nhất định.

Hiểu rõ những khác biệt này không có nghĩa là phải lựa chọn một cách máy móc bên nào “đúng” hay “sai”, mà quan trọng hơn, nó giúp chúng ta nhận thức sâu hơn về bản chất và định hướng của công tác nghiên cứu kinh tế. Trong bối cảnh thế giới phức tạp và nhiều biến động, việc kết hợp các cách tiếp cận một cách linh hoạt có thể đem lại lợi ích lớn. Phương pháp luận Mác - Lênin cho tầm nhìn dài hạn, gắn liền mục tiêu phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, còn phương pháp của kinh tế học hiện đại cung cấp nhiều kỹ thuật phân tích hiệu quả trên từng vấn đề cụ thể. Sự giao thoa và đối thoại giữa hai dòng tư duy sẽ làm phong phú thêm kho tàng tri thức kinh tế, tránh được cả hai khuynh hướng cực đoan hoặc là giáo điều hoặc là thực chứng phiến diện.

Kinh tế chính trị Mác - Lênin và Kinh tế học hiện đại tuy khác biệt sâu sắc về phương pháp luận nhưng đều hướng tới hiểu biết các quy luật kinh tế, chỉ khác ở cách hiểu “quy luật” và cách sử dụng hiểu biết đó. Việc nghiên cứu nghiêm túc cả hai phương pháp sẽ góp phần nâng cao tư duy phản biện, giúp người nghiên cứu kinh tế có cái nhìn toàn diện và đa dạng hơn khi đối mặt với các câu hỏi kinh tế - xã hội. Những gợi mở về khả năng tích hợp các phương pháp luận trong bài nhằm hướng đến một nền kinh tế học tương lai cởi mở, đa chiều, vừa có chiều sâu triết học - lịch sử, vừa có tính chặt chẽ và thực nghiệm, qua đó phục vụ tốt hơn cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Allen, C., Kim, H., & Oppenheimer, P. (2024, June 12). *Methodological individualism*. *Stanford Encyclopedia of Philosophy*. <https://leibniz.stanford.edu/friends/preview/methodological-individualism/>
- Annamalah, S., & Foroughi, A. (2025). *Advancing economics education: Embracing pluralism and critical realism*. <https://doi.org/10.20900/jsr20250049>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Chick, V. (1998). On knowing one's place: The role of formalism in economics. *The Economic Journal*, 108(451), 1859-1869.
- Engels, F. (2002). *Toàn tập* (Tập 23). Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Filipenko, A. S. (2017). Methodology in economics: An overview. *International Journal of Development and Sustainability*, 6(10), 1448-1460.
- Filipenko, A. S. (2017). *Methodology in economics: An overview*. <https://isdsnet.com/ijds-v6n10-18.pdf>
- Friedman, M. (2019). *The methodology of positive economics*. Cambridge University Press.
- Hoover, K. D. (2005). *The methodology of econometrics*. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=728683
- Journal of Economic Perspectives. (1992). Market socialism: A case for rejuvenation. *Journal of Economic Perspectives*, 6(3), 101-116.
- Mäki, U. (2010). *The methodology of positive economics: Reflections on the Milton Friedman legacy* (Book review). *Economic History Association*. https://eh.net/book_reviews/the-methodology-of-positive-economics-reflections-on-the-milton-friedman-legacy/
- Marx, K. (2025). *Grundrisse* (1857). <https://www.marxists.org/archive/marx/works/1857/grundrisse/ch01.htm>
- Moran, C. (2018, August 15). *Why there need to be checks on mainstream economics*. *openDemocracy*. <https://neweconomics.opendemocracy.net>
- Novack, G. (2008). *Understanding history* (Vol. 1). Resistance Books. <https://www.marxists.org/archive/novack/works/history/ch11.htm>
- Piketty, T. (2021). *Lược sử về bất bình đẳng*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Trẻ.
- Ross, S. (2023, August 23). *What is marginalism in microeconomics and why is it important?* *Investopedia*. <https://www.investopedia.com/ask/answers/032515/what-marginalism-microeconomics-and-why-it-important.asp>
- Wong, S. (1973). The “F-Twist” and the methodology of Paul Samuelson. *The American Economic Review*, 63(2), 312-325.